

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ 2 NĂM 2022**



---

Hà Nội, tháng 7 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Bảng Cân đối kế toán riêng	02 - 03
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	04
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	05 – 06
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	07 – 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**Mẫu số B 01 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.297.562.714.324</b>	<b>1.917.395.978.406</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>406.697.113.216</b>	<b>381.325.460.207</b>
1. Tiền	111		356.697.113.216	160.325.460.207
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	221.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>396.730.000.000</b>	<b>73.389.607.184</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		396.730.000.000	73.389.607.184
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.433.392.456.738</b>	<b>1.438.991.785.164</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	296.887.840.400	326.610.501.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	169.279.471.257	30.598.750.423
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	485.703.532.367	488.707.858.861
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	495.791.974.770	607.345.036.377
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.270.362.056)	(14.270.362.056)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>59.902.419.502</b>	<b>23.586.452.857</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.902.419.502	23.586.452.857
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>840.724.868</b>	<b>102.672.994</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		831.431.764	93.946.894
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	9.293.104	8.726.100
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.539.242.273.495</b>	<b>3.528.830.901.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>380.235.758.506</b>	<b>380.253.106.319</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	380.235.758.506	380.253.106.319
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.8</b>	<b>9.597.017.170</b>	<b>9.827.590.552</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		9.597.017.170	9.827.590.552
- Nguyên giá	222		32.070.394.599	31.844.262.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.473.377.429)	(22.016.672.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.925.326.637	2.925.326.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.925.326.637)	(2.925.326.637)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>952.116.572.143</b>	<b>997.063.360.533</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		641.548.678.073	691.597.917.895
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		310.567.894.070	305.465.442.638
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>2.194.909.821.160</b>	<b>2.140.795.821.160</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.966.621.316.160	2.088.221.316.160
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		484.281.505.000	309.567.505.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.800.000.000	22.800.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(279.793.000.000)	(279.793.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.383.104.516</b>	<b>891.022.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.383.104.516	891.022.898
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>5.836.804.987.819</b>	<b>5.446.226.879.868</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.483.446.841.016</b>	<b>1.221.812.691.059</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>765.148.284.478</b>	<b>452.509.564.474</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	91.378.814.585	149.893.533.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	198.607.574.716	45.356.768.146
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	55.916.204.996	21.891.741.797
4. Phải trả người lao động	314		3.343.234.015	2.076.925.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	82.433.101.181	64.229.774.966
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	223.614.509.368	42.990.598.097
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	88.004.589.836	104.735.866.355
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		21.850.255.781	21.334.355.781
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>718.298.556.538</b>	<b>769.303.126.585</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		731.796.624	967.010.108
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	604.907.159.914	638.876.516.477
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	112.659.600.000	129.459.600.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.353.358.146.803</b>	<b>4.224.414.188.809</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>4.353.358.146.803</b>	<b>4.224.414.188.809</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.486.319.650.000	3.486.319.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.486.319.650.000	3.486.319.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.435.444.796	84.541.583.395
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		123.011.473.161	119.932.273.161
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		659.591.578.846	533.620.682.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		529.925.582.253	475.455.145.553
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		129.665.996.593	58.165.536.700
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.836.804.987.819</b>	<b>5.446.226.879.868</b>
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Oanh

Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 2 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 2 - 2022	Quý 2 - 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)	Đơn vị tính: VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.081.219.893	12.440.447.660	28.234.179.866	45.604.523.930	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	446.916.163	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.081.219.893	12.440.447.660	28.234.179.866	45.157.607.767	-
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.549.621.176	9.570.453.626	25.081.309.551	35.380.697.557	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		531.598.717	2.869.994.034	3.152.870.315	9.776.910.210	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	31.977.134.845	37.220.338.077	177.673.064.160	67.462.283.950	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	-	464.552.380	-	849.954.172	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	21.702.286.436	7.401.227.838	31.341.728.278	13.816.666.224	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.806.447.126	32.224.551.893	149.484.206.197	62.572.573.764	-
11. Thu nhập khác	31		25.782.330	887.011.644	265.981.757	1.622.911.064	-
12. Chi phí khác	32		60.980.213	884.195.557	272.299.569	1.725.595.493	-
13. Lợi nhuận khác	40		(35.197.883)	2.816.087	(6.317.812)	(102.684.429)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.771.249.243	32.227.367.980	149.477.888.385	62.469.889.335	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	(3.469.812.134)	1.320.155.466	19.811.891.792	3.717.468.721	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.241.061.377	30.907.212.514	129.665.996.593	58.752.420.614	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Oanh

Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149.477.888.385	62.469.889.335
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	226.131.930	575.583.828
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(177.673.064.160)	(67.462.283.950)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(27.969.043.845)	(4.416.810.787)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.508.913.945	149.770.681.706
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13.733.273.177	20.098.799.314
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	236.813.461.548	33.731.009.232
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.229.566.488)	505.333.441
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.681.657.122)	(17.772.985.662)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	365.978.949	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.627.815.686)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>197.913.544.478</b>	<b>181.916.027.244</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(75.120.006.448)	(23.046.266.424)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	481.876.187
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(496.937.600.000)	(134.890.785.893)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	189.836.300.000	58.637.098.516
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(237.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	472.310.390.000	43.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.426.004.400	12.379.020.046
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(140.484.912.048)</b>	<b>(42.939.057.568)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) VND
		VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ đi vay	33	15.850.000.000	22.052.312.525
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(46.853.790.681)	(138.406.713.396)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.053.188.740)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(32.056.979.421)</b>	<b>(116.354.400.871)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>	<b>25.371.653.009</b>	<b>22.622.568.805</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>381.325.460.207</b>	<b>54.548.922.527</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60)	<b>70</b>	<b>406.697.113.216</b>	<b>77.171.491.332</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Oanh

Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sáp nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 28 ngày 06/05/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 thay đổi lần 28 ngày 06/05/2022 là 3.486.319.650.000 đồng (*Ba nghìn, bốn trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD – TASCO.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 1 và tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 96 người.

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng (không bao gồm: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Chuẩn bị mặt bằng, Loại trừ: Hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara; Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị (Không bao gồm: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối các hàng hóa theo Danh mục hàng hóa hạn chế tiếp cận đối với nhà đầu tư)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)**

- Thu gom rác thải không độc hại: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác. (Không bao gồm: Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Sản xuất điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công công trình; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Truyền tải và phân phối điện: Đại lý bán điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước: Xây dựng hệ thống thủy lợi;
- Xây dựng công trình công ích khác: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; (Không bao gồm: Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội); Xây dựng đường hầm;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê máy móc và thiết bị.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Từ đầu năm 2022, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được giảm 30% tiền thuê đất của năm 2021 theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/09/2021 của Thủ tướng Chính Phủ và được gia hạn thời gian nộp thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuê đất theo quyết định tại Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
1	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
2	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	99,26	99,26	Dịch vụ
3	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
4	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
6	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
8	Công ty TNHH Tasco Land	Hà Nội	100	100	Bất động sản
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>					
9	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	99,35	99,35	Dịch vụ thu phí
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
1	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	Xây lắp
2	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	49	49	Đầu tư lĩnh vực y tế
3	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng – Phú Thọ	Phú Thọ	30	30	Hạ tầng giao thông

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của Công ty để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Nguyên tắc kế toán nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 7 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Các chi phí phải trả khác

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, phí quản lý vận hành dự án Xuân Phương nhận trước; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng năm tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cung cấp dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá bất động sản, doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán là hàng hóa bất động sản: điều chỉnh giảm giá bán căn hộ theo quyết toán dự án Khu nhà ở sinh thái.
- Các khoản giảm trừ doanh thu của hợp đồng xây dựng: giảm trừ theo biên bản quyết toán khối lượng xây dựng hoàn thành.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện áp mái: Công ty được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Trường hợp 3 năm đầu không có thu nhập chịu thuế thì thời gian tính từ năm thứ 4 trở đi kể từ khi phát sinh doanh thu, hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, Năm 2022 là năm thứ 3 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Bất động sản và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	116.611.251	317.425.326
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	356.580.501.965	160.008.034.881
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	221.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>406.697.113.216</b>	<b>381.325.460.207</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính kỳ hạn 7 ngày – dưới 3 tháng, lãi suất từ 3,5% đến 6%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.2 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>296.887.840.400</b>	<b>326.610.501.559</b>
Phải thu hoạt động xây lắp	268.835.608.002	268.877.658.221
- Trong đó UBND Quận Nam Từ Liêm	244.883.010.283	244.883.010.283
- Đối tượng khác	23.952.597.719	23.994.647.938
Phải thu kinh doanh BĐS	26.887.253.791	34.064.850.792
Phải thu khác	1.164.978.607	23.667.992.546
<b>Tổng</b>	<b>296.887.840.400</b>	<b>326.610.501.559</b>
<b>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>229.758.607</b>	<b>229.758.607</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

**5.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>169.279.471.257</b>	<b>30.598.750.423</b>
Trả trước hoạt động xây lắp	25.625.937.755	8.532.204.561
Trả trước hoạt động dự án	133.546.453.467	-
Trả trước hoạt động khác	10.107.080.035	22.066.545.862
<b>Tổng</b>	<b>169.279.471.257</b>	<b>30.598.750.423</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>32.010.000.000</b>	<b>-</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

**5.4 Phải thu về cho vay**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>485.703.532.367</b>	<b>488.707.858.861</b>
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	476.144.532.367	424.132.858.861
Đối tượng khác	9.559.000.000	64.575.000.000
<b>Tổng</b>	<b>485.703.532.367</b>	<b>488.707.858.861</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>476.144.532.367</b>	<b>424.132.858.861</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Mẫu số B 09 - DN

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.5 Các khoản phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>495.791.974.770</b>	<b>(5.400.421.625)</b>	<b>607.345.036.377</b>	<b>(5.400.421.625)</b>
Tạm ứng	11.895.376.721	(3.286.973.157)	11.815.778.628	(3.286.973.157)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	282.072.716.584	-	250.900.762.913	-
Phải thu giá trị hoàn trả suất đầu tư	48.324.177.720	-	48.324.177.720	-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	-	-	157.500.000.000	-
Phải thu khác	153.499.703.745	(2.113.448.468)	138.804.317.116	(2.113.448.468)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>380.235.758.506</b>	<b>-</b>	<b>380.253.106.319</b>	<b>-</b>
Ký quỹ dài hạn (i)	67.170.621.032	-	66.607.313.848	-
Phải thu chi phí xây dựng	229.511.482.764	-	255.077.574.094	-
Các khoản khác	83.553.654.710	-	58.568.218.377	-
<b>Tổng</b>	<b>876.027.733.276</b>	<b>(5.400.421.625)</b>	<b>987.598.142.696</b>	<b>(5.400.421.625)</b>
<b>Trong đó:</b>				
<b>Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>648.000.593.457</b>	<b>-</b>	<b>607.375.253.302</b>	<b>-</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>				

(i) Ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng.

**5.6 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa BĐS	20.566.459.540	-	23.586.452.857	-
Vật tư, thiết bị	32.135.890.536	-	-	-
Chi phí SXKD DD	7.200.069.426	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>59.902.419.502</b>	<b>-</b>	<b>23.586.452.857</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.7 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>21.891.741.797</b>	<b>73.171.600.960</b>	<b>39.147.137.761</b>	<b>55.916.204.996</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.436.087.578	16.630.167.218	12.701.892.236	9.364.362.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	16.205.119.044	54.652.533.722	24.681.657.122	46.175.995.644
Thuế thu nhập cá nhân	250.535.175	1.534.646.390	1.409.334.773	375.846.792
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	351.253.630	351.253.630	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

**Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2022
<b>Phải thu</b>	<b>8.726.100</b>	<b>567.004</b>	<b>-</b>	<b>9.293.104</b>
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.726.100	567.004	-	9.293.104

- (i) Phần thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong sáu tháng đầu năm 2022 bao gồm cả thuế TNDN nộp thay cho đối tác liên doanh tương ứng với các sản phẩm thuộc dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương đã bán theo ủy quyền trong hợp đồng liên doanh và các phụ lục hợp đồng kèm theo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	15.546.155.013	1.437.176.091	12.089.209.300	2.771.722.265	-	31.844.262.669
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	226.131.930	226.131.930
Mua trong kỳ	-	-	-	-	226.131.930	226.131.930
Số dư tại 30/06/2022	15.546.155.013	1.437.176.091	12.089.209.300	2.771.722.265	226.131.930	32.070.394.599
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	8.427.140.475	1.437.176.091	9.383.200.300	2.769.155.251	-	22.016.672.117
Tăng trong kỳ	273.808.254	-	167.382.000	2.567.014	12.948.044	456.705.312
Khấu hao trong kỳ	273.808.254	-	167.382.000	2.567.014	12.948.044	456.705.312
Số dư tại 30/06/2022	8.700.948.729	1.437.176.091	9.550.582.300	2.771.722.265	12.948.044	22.473.377.429
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2022	7.119.014.538	-	2.706.009.000	2.567.014	-	9.827.590.552
Số dư tại 30/06/2022	6.845.206.284	-	2.538.627.000	-	213.183.886	9.597.017.170

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.9 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	2.925.326.637	2.925.326.637
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2022	2.925.326.637	2.925.326.637
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	2.925.326.637	2.925.326.637
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2022	2.925.326.637	2.925.326.637
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2022	-	-
Tại 30/06/2022	-	-

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án khu đô thị mới	252.073.923.647	252.073.923.647	260.044.350.117	260.044.350.117
Dự án xây dựng nhà ở	1.020.569.099	1.020.569.099	1.020.569.099	1.020.569.099
Dự án khu nhà ở sinh thái	388.454.185.327	388.454.185.327	430.532.998.679	430.532.998.679
<b>Tổng</b>	<b>641.548.678.073</b>	<b>641.548.678.073</b>	<b>691.597.917.895</b>	<b>691.597.917.895</b>

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường BT	191.742.696.169	188.648.230.415
Dự án khu chức năng đô thị	54.410.953.846	54.410.953.846
Các công trình khác	64.414.244.055	62.406.258.377
<b>Tổng</b>	<b>310.567.894.070</b>	<b>305.465.442.638</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.11 Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		
				Giá trị hợp lý		
				Dự phòng		
<b>Đầu tư Công ty con</b>	1.966.621.316.160	(*)	(279.793.000.000)	2.088.221.316.160	(*)	(279.793.000.000)
Công ty cổ phần VETC	741.900.000.000		(247.300.000.000)	604.900.000.000		(247.300.000.000)
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	395.600.000.000			395.600.000.000		
Công ty TNHH THOSPITAL				358.600.000.000		
Công ty TNHH Một thành viên Tasco Quảng Bình	328.130.000.000			328.130.000.000		
Công ty CP Tasco Nam Thái	299.900.000.000			299.900.000.000		
Công ty TNHH một thành viên Tasco 6	65.180.000.000			65.180.000.000		
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	32.493.000.000		(32.493.000.000)	32.493.000.000		(32.493.000.000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	2.418.316.160			2.418.316.160		
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	1.000.000.000			1.000.000.000		
Công ty TNHH Tasco Land (i)	100.000.000.000		-	-		-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Công ty đã góp vốn theo nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 11/03/2022 của Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư Công ty liên kết</b>		(*)	-	309.567.505.000 (*)
Tổng công ty Thăng Long - CTCP (ii)	484.281.505.000		-	239.567.505.000
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng -Phú Thọ	239.567.505.000		-	69.000.000.000
Công ty TNHH THOSPITAL (iii)	69.000.000.000		-	-
Công ty CP Bất động sản Quảng Phú (iv)	175.714.000.000		-	1.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			-	22.800.000.000
Công ty Cổ phần COTABIG	23.800.000.000		-	300.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD 8	300.000.000		-	4.500.000.000
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	4.500.000.000		-	18.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Quảng Phú (iv)	18.000.000.000		-	-
<b>Tổng</b>	1.000.000.000		-	2.420.588.821.160
	<b>2.474.702.821.160</b>	<b>(279.793.000.000)</b>		<b>(279.793.000.000)</b>

(ii) Tháng 7/2022, Công ty đã thực hiện thoái 100% vốn góp tại đơn vị theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng Quản trị.

(iii) Trong kỳ Công ty đã thoái 51% vốn góp vào Công ty TNHH T'Hospital theo nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 15/02/2022 của Hội đồng Quản trị..

(iv) Theo nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2022 của Hội đồng quản trị thông qua việc thay đổi tỷ lệ góp vốn từ 29,49% xuống 0,21% vốn điều lệ (tương ứng 100.000 cổ phần) tại Công ty CP Bất động sản Quảng Phú.

Thông tin về Tỷ lệ sở hữu vốn và Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác (xem tại Thuyết minh 1.6)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.12 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>91.378.814.585</b>	<b>91.378.814.585</b>	<b>149.893.533.516</b>	<b>149.893.533.516</b>
Hoạt động kinh doanh BĐS	52.833.267.982	52.833.267.982	59.149.474.092	59.149.474.092
Hoạt động xây lắp	33.504.541.150	33.504.541.150	87.500.223.198	87.500.223.198
Hoạt động khác	5.041.005.453	5.041.005.453	3.243.836.226	3.243.836.226
<b>Tổng</b>	<b>91.378.814.585</b>	<b>91.378.814.585</b>	<b>149.893.533.516</b>	<b>149.893.533.516</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>18.734.211.233</b>	<b>18.734.211.233</b>	<b>74.371.419.342</b>	<b>74.371.419.342</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>				

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>198.607.574.716</b>	<b>45.356.768.146</b>
Hoạt động kinh doanh BĐS	36.102.091.960	41.291.960.296
Hoạt động dự án	142.479.800.000	3.600.000.000
Hoạt động xây lắp	20.025.682.756	464.807.850
<b>Tổng</b>	<b>198.607.574.716</b>	<b>45.356.768.146</b>

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.433.101.181</b>	<b>64.229.774.966</b>
Trích trước giá vốn BĐS	80.992.211.752	62.220.177.316
Chi phí khác	1.440.889.429	2.009.597.650
<b>Tổng</b>	<b>82.433.101.181</b>	<b>64.229.774.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.15 Phải trả khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>223.614.509.368</b>	<b>42.990.598.097</b>
Kinh phí công đoàn	77.058.572	31.217.142
Bảo hiểm xã hội;	88.454.230	80.618.250
Bảo hiểm y tế	15.947.070	15.531.270
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.266.195.220	10.374.815.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	214.166.854.276	32.488.416.015
<b>Dài hạn</b>	<b>604.907.159.914</b>	<b>638.876.516.477</b>
Phải trả đối tác theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	398.382.747.984	398.382.747.984
Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.524.411.930	240.493.768.493
<b>Tổng</b>	<b>828.521.669.282</b>	<b>681.867.114.574</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>124.328.172.672</b>	<b>137.859.192.518</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trí,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**5.16 Vay**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022		Phát sinh trong năm		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	104.735.866.355	104.735.866.355	15.850.000.000	32.581.276.519	88.004.589.836	88.004.589.836
Vay ngắn hạn đơn vị khác	3.004.589.836	3.004.589.836	-	-	3.004.589.836	3.004.589.836
Vay ngắn hạn cá nhân	101.731.276.519	101.731.276.519	15.850.000.000	32.581.276.519	85.000.000.000	85.000.000.000
b) Vay dài hạn	129.459.600.000	129.459.600.000	-	16.800.000.000	112.659.600.000	112.659.600.000
Vay dài hạn Ngân hàng	129.459.600.000	129.459.600.000	-	16.800.000.000	112.659.600.000	112.659.600.000
<b>Tổng</b>	<b>234.195.466.355</b>	<b>234.195.466.355</b>	<b>15.850.000.000</b>	<b>49.381.276.519</b>	<b>200.664.189.836</b>	<b>200.664.189.836</b>
Trong đó: vay ngắn hạn là	104.735.866.355	104.735.866.355			88.004.589.836	88.004.589.836
Bên liên quan						

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)

**Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:**

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/TASCO-HP ngày 28/09/2018 và các phụ lục gia hạn thời gian đến 31/12/2022 với giá trị 40 tỷ đồng giữa Công ty Cổ phần Tasco và Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng, mục đích vay bù đắp cho dự án BT Lê Đức Thọ, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 5,5%/năm thanh toán cuối kỳ, Khoản vay tín chấp.
- Các khoản vay cá nhân thời hạn 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp cho dự án BT Lê Đức Thọ vay tín chấp.

**Thông tin cho các khoản vay dài hạn:**

**Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:**

- Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng với Hợp đồng có số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	2.686.319.650.000	84.824.223.592	119.932.273.161	475.455.145.553	3.366.531.292.306
Tăng trong năm	800.000.000.000	-	-	58.165.536.700	858.165.536.700
Tăng vốn trong năm	800.000.000.000	-	-	-	800.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	58.165.536.700	58.165.536.700
Giảm trong năm	-	(282.640.197)	-	-	(282.640.197)
Giảm khác	-	(282.640.197)	-	-	(282.640.197)
Số dư tại 31/12/2021	3.486.319.650.000	84.541.583.395	119.932.273.161	533.620.682.253	4.224.414.188.809
Số dư tại 01/01/2022	3.486.319.650.000	84.541.583.395	119.932.273.161	533.620.682.253	4.224.414.188.809
Tăng trong kỳ	-	-	3.079.200.000	129.665.996.593	132.745.196.593
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.079.200.000	-	3.079.200.000
Lãi kỳ này	-	-	-	129.665.996.593	129.665.996.593
Giảm trong kỳ	-	(106.138.599)	-	(3.695.100.000)	(3.801.238.599)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.695.100.000)	(3.695.100.000)
Giảm khác	-	(106.138.599)	-	-	(106.138.599)
Số dư tại 30/06/2022	3.486.319.650.000	84.435.444.796	123.011.473.161	659.591.578.846	4.353.358.146.803

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	3.486.319.650.000	3.486.319.650.000
<b>Tổng</b>	<b>3.486.319.650.000</b>	<b>3.486.319.650.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	348.631.965	348.631.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	348.631.965	348.631.965
Cổ phiếu phổ thông	348.631.965	348.631.965
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	348.631.965	348.631.965
Cổ phiếu phổ thông	348.631.965	348.631.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.011.473.161	119.932.273.161
<b>Tổng</b>	<b>123.011.473.161</b>	<b>119.932.273.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2 - 2022 VND	Quý 2 - 2021 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	5.792.539.204	10.605.291.232
Doanh thu cung cấp dịch vụ	563.812.685	1.202.035.084
Doanh thu điện mái nhà	724.868.004	633.121.344
<b>Tổng</b>	<b>7.081.219.893</b>	<b>12.440.447.660</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Quý 2 - 2022 VND	Quý 2 - 2021 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	5.434.539.676	8.487.736.660
Giá vốn cung cấp dịch vụ	823.325.455	823.325.292
Giá vốn điện mái nhà	291.756.045	259.391.674
<b>Tổng</b>	<b>6.549.621.176</b>	<b>9.570.453.626</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2 - 2022 VND	Quý 2 - 2021 VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	18.421.420.442	25.480.581.079
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.555.714.403	11.638.694.822
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	101.062.176
<b>Tổng</b>	<b>31.977.134.845</b>	<b>37.220.338.077</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****6.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2 - 2022 VND	Quý 2 - 2021 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>21.702.286.436</b>	<b>7.401.227.838</b>
Chi phí nhân viên	10.072.063.130	4.323.623.366
Chi phí khấu hao TSCĐ	137.676.478	252.491.628
Thuế, phí và lệ phí	75.478.314	116.931.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.742.869	89.172.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.223.290.361	1.696.433.979
Chi phí bằng tiền khác	5.131.035.284	922.574.550
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>464.552.380</b>
Chi phí nhân viên	-	388.389.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.159.382
Chi phí bằng tiền khác	-	75.003.912
<b>Tổng</b>	<b>21.702.286.436</b>	<b>7.865.780.218</b>

**6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý 2 - 2022 VND	Quý 2 - 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.771.249.243</b>	<b>32.227.367.980</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>231.199.923</b>	<b>1.288.094.607</b>
<i>Chi phí khác không được trừ</i>	<i>231.199.923</i>	<i>1.288.094.607</i>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>28.351.509.837</b>	<b>19.544.049.685</b>
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>18.421.420.442</i>	<i>19.468.157.669</i>
<i>Điều chỉnh các khoản thu nhập tính thuế khác</i>	<i>9.930.089.395</i>	<i>75.892.016</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(17.349.060.671)</b>	<b>13.971.412.902</b>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(17.349.060.671)	13.971.412.902
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(3.469.812.134)</b>	<b>2.794.282.580</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.469.812.134)	2.794.282.580
Điều chỉnh giảm số hạch toán thừa các năm trước		
<b>Tổng</b>	<b>(3.469.812.134)</b>	<b>2.794.282.580</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN****7.1. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Quý 2 - 2022 VND</b>	<b>Quý 2 - 2021 VND</b>
<b>Mua hàng</b>			<b>1.853.461.084</b>	<b>968.970.658</b>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Công ty con	Dịch vụ vận hành tòa nhà	990.705.948	920.970.658
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Mua dịch vụ	-	48.000.000
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	Đơn vị có liên quan của Thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	25.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	Đơn vị có liên quan của Thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	837.755.136	-
<b>Cho vay</b>			<b>57.574.073.506</b>	<b>37.688.000.000</b>
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Cho vay	-	37.688.000.000
Công ty TNHH THospital	Công ty liên kết	Cho vay	57.574.073.506	-
<b>Lãi cho vay</b>			<b>8.942.471.781</b>	<b>9.020.566.456</b>
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Công ty liên kết	Lãi vay	150.262.192	147.906.164
Công ty TNHH THospital	Công ty liên kết	Lãi vay	41.011.669	-
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Lãi vay	8.751.197.920	8.872.660.292
<b>Nhận cổ tức</b>			<b>18.421.420.442</b>	<b>19.726.078.579</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tasco Quảng Bình	Công ty con	Cổ tức từ hoạt động đầu tư	8.790.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Cổ tức từ hoạt động đầu tư	9.631.420.442	9.726.078.579

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****7.2. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>229.758.607</b>	<b>229.758.607</b>
Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	14.850.000	14.850.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải thu khách hàng	214.908.607	214.908.607
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>32.010.000.000</b>	-
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Trả trước cho người bán	32.010.000.000	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			<b>476.144.532.367</b>	<b>424.132.858.861</b>
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.740.000.000	5.740.000.000
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	412.830.458.861	418.392.858.861
Công ty TNHH THospital	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay ngắn hạn	57.574.073.506	-
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			<b>393.489.110.693</b>	<b>352.297.679.208</b>
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	-	3.244.942.595
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	152.397.478.464	142.953.648.214
Công ty Cổ phần VETC	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	485.484.931	485.484.931
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	109.222.368.933	91.898.299.094
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	3.400.000	3.400.000
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	128.653.074.449	111.324.485.278
Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	850.471.671	850.471.671
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	1.835.820.576	1.536.947.425
Công ty TNHH THospital	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	41.011.669	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>			<b>254.511.482.764</b>	<b>255.077.574.094</b>
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Phải thu khác dài hạn	229.511.482.764	255.077.574.094
Công ty TNHH Tasco Land	Công ty con	Phải thu khác dài hạn	25.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 01 và tầng 20, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)****7.2. Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/06/2022 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả người bán</b>			<b>18.734.211.233</b>	<b>74.371.419.342</b>
Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Công ty liên kết	Phải trả người bán	16.785.981.399	72.574.745.847
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Công ty con	Phải trả người bán	689.859.085	590.142.746
Công ty TNHH một thành viên Tasco 6	Công ty con	Phải trả người bán	1.258.370.749	1.206.530.749
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>			<b>3.292.493.176</b>	<b>7.221.513.022</b>
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Phải trả khác ngắn hạn	3.234.937.128	3.234.937.128
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Phải trả khác	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Công ty con	Phải trả khác ngắn hạn	7.556.048	7.556.048
Tổng công ty Thăng Long – CTCP	Công ty liên kết	Phải trả khác ngắn hạn	-	3.929.019.846
<b>Phải trả khác dài hạn</b>			<b>121.035.679.496</b>	<b>130.637.679.496</b>
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Công ty con	Phải trả khác dài hạn	2.064.301.684	2.064.301.684
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải trả khác dài hạn	118.971.377.812	128.573.377.812
<b>Vay và nợ</b>			<b>88.004.589.836</b>	<b>104.735.866.355</b>
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Vay	3.004.589.836	3.004.589.836
Phạm Quang Dũng	Cổ đông lớn	Vay	85.000.000.000	101.731.276.519

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu



**Bùi Thị Bình**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Hồng Oanh**

Phó Tổng Giám đốc



**Phạm Thị Thu Thảo**